ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3964 /QĐ-UBND	*Cà Mau, ngày 02 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Dự án đầu tư nâng cấp đường tỉnh ĐT.980 thành QL.63B (đoạn từ Giá Rai đến Phó Sinh) và xây dựng đường bờ Tây kênh Láng Trâm (ĐT.982B)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 và Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ và Nghị định số 275/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 85/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2026 và Quyết định số 3573/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án đầu tư nâng cấp đường tỉnh ĐT.980 thành QL.63B (đoạn từ Giá Rai đến Phó Sinh) và xây dựng đường bờ Tây kênh Láng Trâm (ĐT.982B);

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 548/TTr-SXD ngày 30 tháng 10 năm 2026 và kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi tại Văn bản số 9027/SXD-QLXD ngày 29 tháng 10 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án đầu tư nâng cấp đường tỉnh ĐT.980 thành QL.63B (đoạn từ Giá Rai đến Phó Sinh) và xây dựng đường bờ Tây kênh Láng Trâm (ĐT.982B), với các nội dung chính sau:

1. Tên dự án: Đầu tư nâng cấp đường tỉnh ĐT.980 thành QL.63B (đoạn từ Giá Rai đến Phó Sinh) và xây dựng đường bờ Tây kênh Láng Trâm (ĐT.982B).

2. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính của dự án; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

- Nhóm dự án: Dự án nhóm B;

- Loại, cấp công trình chính công trình:

+ Phần đường *(bao gồm đường đầu cầu)*: Công trình giao thông; cấp II *(đối với đoạn 1 - Nâng cấp đường ĐT.980 thành QL.63B)* và III (*đối với đoạn 2 - Xây dựng đường bờ Tây kênh Láng Trâm (ĐT.982B))*.

+ Phần cầu: Công trình giao thông; cấp IV.

+ Hệ thống chiếu sáng: Công trình hạ tầng kỹ thuật; cấp IV;

- Thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

+ Công trình cầu: 100 năm.

+ Công trình đường và hạ tầng kỹ thuật: Theo thời gian tính toán thiết kế, phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế áp dụng

3. Mã định danh: 9626418314900.

4. Địa điểm xây dựng; diện tích sử dụng đất của dự án:

- Địa điểm xây dựng: Phường Giá Rai, xã Phong Hiệp, xã Vĩnh Phước và xã Phong Thạnh, tỉnh Cà Mau.

- Diện tích sử dụng đất: Khoảng 73,87 ha.

5. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau.

6. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh.

7. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, tổ chức lập khảo sát xây dựng (nếu có); tổ chức tư vấn lập thiết kế cơ sở: Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Cao Cường; mã số doanh nghiệp: 0301814637.

8. Mục tiêu:

- Mục tiêu tổng quát: Xây dựng tỉnh Cà Mau hiện đại, văn minh, phát triển mạng lưới giao thông đồng bộ, liên hoàn, đảm bảo đáp ứng nhu cầu vận tải, phát triển kinh tế của khu vực, kết nối thuận lợi với hành lang bên ngoài.

- Mục tiêu cụ thể: Từng bước hoàn chỉnh mạng lưới giao thông của tỉnh Cà Mau; nâng cao khả năng khai thác tuyến đường tỉnh ĐT.982B và tuyến đường tỉnh ĐT.980 (nâng tuyến ĐT.980 thành quốc lộ trục ngang 63B), nhằm kết nối thông suốt đoạn tuyến Gành Hào - Giá Rai với đoạn tuyến Phó Sinh - Cạnh Đền, kết nối với tuyến cao tốc Cần Thơ - Cà Mau và kết nối đường Hồ Chí Minh; đồng thời tạo hệ thống trục ngang kết nối quốc lộ 1A với quốc lộ Quản Lộ - Phụng Hiệp, tạo điều

kiện thúc đẩy lưu thông hàng hóa, giao thương phục vụ phát triển kinh tế xã hội xã Phong Thạnh, phường Giá Rai, xã Phong Hiệp, xã Vĩnh Phước nói riêng và tỉnh Cà Mau nói chung.

9. Quy mô đầu tư xây dựng: Quy mô công suất, khả năng phục vụ; một số chỉ tiêu, thông số chính của công trình chính, các hạng mục công trình (nếu có) của dự án:

9.1. Quy mô đầu tư xây dựng: Tổng chiều dài dự án khoảng 21,65km bao gồm 02 đoạn tuyến, cụ thể:

a) Đoạn 1: Nâng cấp đường ĐT.980 thành QL.63B *(đoạn Giá Rai - Phó Sinh)* có chiều dài khoảng 13,97 km; với quy mô đầu tư như sau:

* Phần đường:

- Phần đường: Đầu tư theo quy mô đường cấp III đồng bằng.

- Vận tốc thiết kế: 80km/h.

- Tải trọng trục thiết kế: 100KN.

- Mặt đường cấp cao A2, mô đun đàn hồi yêu cầu: đảm bảo Eyc ≥ 120Mpa.

- Mặt cắt ngang như sau:

+ Phần xe chạy : 2×3,5m = 7,0 m;

+ Phần lề gia cố : 2×2,0m = 4,0 m;

+ Lề đất : 2×0,5m = 1,0 m;

+ Tổng cộng : 12,0 m.

- Bố trí các đường gom tại các vị trí cầu, bố trí một số cống hộp, cống tròn phục vụ nhu cầu cấp, thoát nước trong khu vực.

* Phần cầu:

- Xây dựng công trình cầu bằng bê tông cốt thép dự ứng lực.

+ Quy mô: Cầu thiết kế vĩnh cửu;

+ Tải trọng: HL-93, người đi bộ 3x10^-3 Mpa;

+ Mặt cắt ngang cầu:

+ Phần xe chạy : 2×3,5m = 7,0 m;

+ Phần làn hỗn hợp: 2×2,0m = 4,0 m;

+ Gờ lan can : 2×0,5m = 1,0 m;

+ Tổng cộng : 12,0 m.

- Tĩnh không thông thuyền:

STT	Lý trình	Tên cầu	Khổ thông thuyền BxH (m)
1	Km1+060	Kênh Phó Sinh - Chủ Chí 2	10x1,0
2	Km2+560	Kênh Phó Sinh - Chủ Chí 3	10x2,5
3	Km3+450	Kênh Cũ	5x1,5
4	Km3+900	Kênh Phó Sinh - Chủ Chí 4	10x3,0
5	Km4+437	Kênh thủy lợi 1	5x1,5
6	Km4+900	Kênh cống 19	10x2,5
7	Km5+687	Kênh thủy lợi 2	5x1,5
8	Km6+725	Kênh Lầu	10x2,5
9	Km6+978	Cầu bản số 1	5x1,5
10	Km7+337	Cầu bản số 2	5x1,5
11	Km7+777	Kênh thủy lợi 3	10x3,0
12	Km8+480	Kênh thủy lợi 4	10x2,5
13	Km8+785	Cầu bản số 3	5x1,5
14	Km10+056	Kênh 21	10x2,5
15	Km11+420	Kênh Ranh Hạt	10x2,5
16	Km12+525	Kênh 1000	10x2,5

b) Đoạn 2: Xây dựng đường bờ Tây kênh Láng Trâm (ĐT.982B) có chiều dài khoảng 7,68 km; với quy mô đầu tư như sau:

* Phần đường:

- Phần đường: Đầu tư theo quy mô đường cấp IV đồng bằng.

- Vận tốc thiết kế: 60km/h.

- Tải trọng trục thiết kế: 100KN.

- Mặt đường cấp cao A2, mô đun đàn hồi yêu cầu: đảm bảo Eyc ≥ 100Mpa.

- Mặt cắt ngang như sau:

+ Phần xe chạy : 2×3,5m = 7,0 m;

+ Phần lề gia cố : 2×0,5m = 1,0 m;

+ Lề đất : 2×0,5m = 1,0 m;

+ Tổng cộng : 9,0 m.

- Bố trí các đường gom tại các vị trí cầu, bố trí một số cống hộp, cống tròn phục vụ nhu cầu cấp, thoát nước trong khu vực.

* Phần cầu:

- Xây dựng công trình cầu bằng bê tông cốt thép dự ứng lực.

+ Quy mô: Cầu thiết kế vĩnh cửu;

+ Tải trọng: HL-93, người đi bộ 3x10^-3 Mpa;

+ Mặt cắt ngang cầu:

+ Phần xe chạy : 2×3,5m = 7,0 m;

+ Phần làn hỗn hợp: 2×2,0m = 4,0 m;

+ Gờ lan can : 2×0,5m = 1,0 m;

+ Tổng cộng : 12,0 m.

- Tĩnh không thông thuyền:

STT	Lý trình	Tên cầu	Khổ thông thuyền BxH (m)
1	Km0+420	Kênh Lung Cập - Gò Muồng (vị trí 1)	8x2,5
2	Km1+620	Kênh Láng Trâm 1	8x2,5
3	Km2+300	Kênh Lung Cập - Gò Muồng (vị trí 2)	8x2,5
4	Km2+968	Kênh Lung Tư	8x2,5
5	Km3+330	Kênh Lung Nước Mặn	8x2,5
6	Km3+700	Kênh Láng Trâm 2	8x2,5
7	Km4+855	Kênh Ngang	8x2,5
8	Km5+145	Kênh Thủy Lợi	8x2,5
9	Km5+525	Kênh Láng Trâm 3	8x2,5
10	Km5+710	Kênh Bến Than	8x2,5
11	Km6+265	Kênh Lớn 2	8x2,5
12	Km6+676	Kênh Lung Bường	8x2,5
13	Km7+000	Kênh Tập Đoàn	8x2,5

c) Hạng mục khác:

- Bố trí chiếu sáng tại các nút giao và các vị trí trên cầu.

- Tổ chức giao thông đường bộ gồm vạch sơn, biển báo, đèn tín hiệu, thực hiện theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

- Bố trí các đường gom tại các vị trí cầu, bố trí một số cống hộp, cống tròn phục vụ nhu cầu cấp, thoát nước trong khu vực.

- Bố trí các hạng mục phụ trợ, hạng mục đảm bảo an toàn giao thông đường

bộ và đường thủy trong quá trình thi công công trình.

9.2. Giải pháp kỹ thuật chủ yếu của công trình chính: Theo Văn bản số 9027/SXD-QLXD ngày 29 tháng 10 năm 2026.

10. Số bước thiết kế; danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng:

- Số bước thiết kế: 02 bước.

- Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng: Theo danh mục do Chủ đầu tư đề xuất tại Báo cáo nghiên cứu khả thi và hồ sơ được Sở Xây dựng thẩm định tại Văn bản số 9027/SXD-QLXD; Chủ đầu tư chịu trách nhiệm rà soát, bảo đảm việc áp dụng phù hợp quy định hiện hành.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng: 2.211.955.667.686 đồng *(Bằng chữ: Hai nghìn hai trăm mười một tỷ chín trăm năm mươi lăm triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn sáu trăm tám mươi sáu đồng)*.

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư : 308.560.812.542 đồng;
- Chi phí xây dựng : 1.531.435.042.253 đồng;
- Chi phí quản lý dự án : 14.373.498.749 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng : 63.624.209.140 đồng;
- Chi phí khác : 27.473.093.737 đồng;
- Chi phí dự phòng : 266.489.011.265 đồng.

12. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2026 - 2029.

13. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách trung ương hỗ trợ và ngân sách tỉnh trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030, trong đó:

- Vốn ngân sách trung ương hỗ trợ trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030: 1.280.000.000.000 đồng.

- Vốn ngân sách tỉnh trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030: 931.962.000.000 đồng.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng.

15. Yêu cầu về tài nguyên, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và các thủ tục liên quan đất đai, vật liệu, môi trường theo quy định hiện hành.

16. Các nội dung khác (nếu có): Không.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Chủ đầu tư tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác, đầy đủ của

các thông tin, số liệu khảo sát, quy mô, khối lượng và giải pháp thiết kế; tính cần thiết, phù hợp và hiệu quả của các nội dung thay đổi so với chủ trương đầu tư đã được phê duyệt; thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Quyết định số 3529/QĐ-SNNMT ngày 17/10/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường; tiếp thu, thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của Sở Xây dựng tại Văn bản số 9027/SXD-QLXD ngày 29/10/2026; quản lý chặt chẽ chi phí, nguồn vốn đầu tư, bảo đảm không vượt tổng mức đầu tư được phê duyệt.

2. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác, sự phù hợp với quy định của pháp luật đối với kết quả thẩm định và nội dung trình phê duyệt.

3. Sở Tài chính chịu trách nhiệm rà soát, cân đối và tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí vốn thực hiện dự án bảo đảm đúng quy định của pháp luật hiện hành.

4. Các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường nơi dự án đi qua phối hợp với Chủ đầu tư thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, quản lý đất đai và các thủ tục có liên quan theo thẩm quyền.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường có liên quan và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Phòng NN-XD *(Kh$_{QĐDA018}$)*;
- Lưu: VT, TH797/10.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Lâm Văn Bi